

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2026 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 388/TTr-SNNMT ngày 31/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công ty TNHH sơn J&G, địa chỉ tại thôn Danh Thượng 2, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sơn J&G”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất sơn J&G.
- Địa điểm thực hiện: Thôn Danh Thượng 2, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh.
- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập.
 - Giấy đăng ký kinh doanh doanh nghiệp số: 2400995709 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 19/7/2024, thay đổi lần thứ 01 ngày 06/12/2024.
- Mã số thuế: 2400995709.
- Loại hình hoạt động: Sản xuất các sản phẩm sơn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án hoạt động trên diện tích sử dụng đất 1.100 m² (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát).

- Nhóm dự án:

+ Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, căn cứ theo số thứ tự 2, Mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.6.2. Quy mô, công suất đề xuất cấp Giấy phép môi trường:

Sản xuất sơn gốc dầu, sơn gốc nước và dung môi pha loãng cho sơn gốc dầu với quy mô 900 tấn/năm.

1.6.3. Quy trình sản xuất:

- Quy trình sản xuất sơn gốc dầu:

Nguyên liệu → Khuấy trộn → Bổ sung phụ gia (dạng lỏng) → Pha trộn → Pha chế sơn/pha màu → Kiểm tra chất lượng → Lọc → Đóng gói → Nhập kho.

- Quy trình sản xuất dung môi pha loãng cho sơn gốc dầu:

Nguyên liệu → Định lượng → Khuấy trộn tốc độ thấp → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói → Nhập kho.

- Quy trình sản xuất sơn gốc nước:

Nguyên liệu → Định lượng → Khuấy trộn → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói → Nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường nước thải quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Công ty TNHH sơn J&G có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH sơn J&G có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy

định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: đến hết ngày 14/8/2033 (theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 14082025/TP-JG ngày 14/8/2025 giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát với Công ty TNHH sơn J&G).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất sơn J&G” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 557/QĐ-SNNMT ngày 23/9/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sơn J&G”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã Hiệp Hòa; Công ty TNHH sơn J&G và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt của dự án được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát để xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Do vậy, dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn và được thu gom bằng đường ống PVC đường kính 0,11m với tổng chiều dài khoảng 70m về bể gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm của đơn vị chủ xưởng.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa các thiết bị, dụng cụ khuấy trộn trong quá trình sản xuất sẽ được thu gom vào thùng chứa có dung tích khoảng 50 lít. Định kỳ thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

- Nước thải từ quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải: Lượng nước thải phát sinh từ quá trình khoảng 0,05m³/tháng. Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành xả cặn. Dung dịch hấp thụ của quá trình xử lý khí thải được chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý như chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát chịu trách nhiệm xử lý nước thải sinh hoạt của dự án theo Phụ lục 01, bổ sung hợp đồng số 14082025/TP – JG ngày 05/9/2025.

- Nước thải sản xuất (từ quá trình sản xuất sơn và từ hệ thống xử lý khí thải) được thu gom, định kỳ chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý như chất thải nguy hại.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên nạo vét đường ống dẫn nước, hút bùn thải tại bể tự hoại 3 ngăn để tránh bị lắng cặn, ứ đọng gây tắc đường ống, giảm khả năng xử lý của công trình.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, bể tự hoại 3 ngăn để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo công trình xử lý nước thải đảm bảo hoạt động bình thường sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (do nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, đấu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án về hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát để xử lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu; không được phép xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường hoặc hệ thống thoát nước mưa.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

3.4. Công ty TNHH sơn J&G chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát để xử; ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý nước thải sản xuất; tuyệt đối không xả nước thải sản xuất vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất của nhà máy (khuấy trộn, chỉnh màu, kiểm tra sản phẩm).

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí xả thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải được thải ra môi trường.

- Dòng khí thải: Tương ứng với ống thải thoát bụi, khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực sản xuất của nhà máy (khuấy trộn, chỉnh màu, kiểm tra sản phẩm).

Tọa độ vị trí xả thải: X = 2359987; Y = 392995.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua các ống thoát khí, xả liên tục trong quá trình hoạt động. Thời gian làm việc 08 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/ BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 40		
3	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
4	CO	mg/Nm ³	≤ 400		
5	NO _x	mg/Nm ³	≤ 400		
6	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
7	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Khí thải từ các khu vực phát sinh (khuấy trộn, chỉnh màu, kiểm tra sản phẩm) được thu gom bằng 11 chụp hút sau đó dẫn bằng đường ống dài khoảng 35m về hệ thống xử lý khí thải của nhà máy để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Phương pháp xử lý: Hấp thụ (sử dụng dung dịch NaOH); Hấp phụ (sử dụng than hoạt tính).

- Quy trình xử lý:

Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Khoang tách ẩm → Khoang hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 01 quạt hút công suất 18,5 kW; lưu lượng 18.000 m³/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, dung dịch NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Quan trắc, giám sát chất lượng khí thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo tần suất để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục hệ thống xử lý khí thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 2/2026 đến tháng 4/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực sản xuất của nhà máy (khuấy trộn, chỉnh màu, kiểm tra sản phẩm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong khuôn viên nhà máy tại khu vực sản xuất và khu vực công trình bảo vệ môi trường của dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có tiếng ồn, độ rung thấp.
- Lắp đặt các thiết bị chống ồn, rung ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Ngăn cách nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực nhà xưởng và khu vực văn phòng được bố trí riêng biệt.
- Bộ phận bảo dưỡng lập kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh các nguồn gây ô nhiễm và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc.
- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là yếu tố thính lực.
- Tuyên truyền giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn, độ rung đối với sức khỏe, tổ chức các khóa huấn luyện về vấn đề an toàn và sức khỏe cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)***A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	75
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	25
4	Dung dịch NaOH thải bỏ từ hệ thống xử lý khí thải	Lỏng	19 08 03	600
Tổng				700

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bìa carton, giấy photo thải tại văn phòng	100
2	Găng tay, khẩu trang hỏng không nhiễm thành phần nguy hại	80
3	Bao bì đóng gói thải	350
Tổng		530

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 936 kg/năm.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	150
2	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	20
3	Bao bì nhựa cứng thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	120
4	Bao bì kim loại cứng thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	200

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
5	Nước thải từ quá trình rửa thiết bị dụng cụ (căn son)	Lỏng	08 01 01	1.200
6	Than hoạt tính thải bỏ	Rắn	18 02 01	1.800
Tổng				3.490

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH)

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

- Khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích khu vực lưu chứa: 8 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa bằng nhựa cứng có dung tích 240 lít.

- Khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích khu vực lưu chứa: 18 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu giữ tạm thời bằng các thùng nhựa dung tích 100 lít, bố trí khu lưu giữ có diện tích khoảng 3 m², ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty TNHH sơn J&G có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Nghiêm cấm hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Nghiêm cấm nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.